

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

MỤC LỤC

Trang

1.	BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC	01 - 02
2.	BÁO CÁO KIỂM TOÁN	03 - 03
3.	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	04 - 07
4.	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08 - 08
5.	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09 - 10
6.	THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 24

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty CP Tư Vấn Thiết Kế và Xây Lắp Điện trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Công ty CP Tư Vấn Thiết Kế và Xây Lắp Điện được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600781512, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 01 năm 2006, thay đổi lần thứ 04 ngày 28 tháng 09 năm 2018, và thay đổi lần thứ 05 ngày 21 tháng 01 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở hoạt động:

- Địa chỉ: Số 129C, đường Huỳnh Văn Nghệ, KP 5, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại: 02513 210 347
- Mã số thuế: 3 6 0 0 7 8 1 5 1 2

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

Cổ đông	Vốn góp đăng ký tại ngày 31/12/2022	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai	2.160.000.000	28,80%
Công ty CP Điện Cơ Đồng Nai	675.000.000	9,00%
Cổ đông khác	4.665.000.000	62,20%
Tổng	7.500.000.000	100%

Hội đồng quản trị và Giám đốc trong năm và tại ngày lập Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị

Chức vụ

- Ông Nguyễn Tuấn Khanh: Chủ tịch
- Ông Nguyễn Khương Minh: Phó Chủ tịch (Đại diện Công ty CP Điện Cơ Đồng Nai)
- Ông Vũ Thị Bê: Ủy viên
- Ông Đoàn Thế Thiên: Ủy viên
- Ông Nguyễn Đăng Nhân: Ủy viên (Đại diện Công ty TNHH MTV Điện Lực Đồng Nai)

Giám đốc

- Ông Nguyễn Tuấn Khanh

Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Điều tra, khảo sát, lập dự án, lập thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán các công trình đường dây và trạm biến áp đến cấp điện áp 110KV. Khảo sát và thiết kế các công trình phụ trợ (phòng biến điện, phòng điều hành, nền móng, trụ, trạm...). Cung cấp các dịch vụ tư vấn về điện cho các đơn vị trong nước và nước ngoài. Tư vấn thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công trình công nghiệp. Thẩm định công trình điện đến cấp điện áp 110 KV. Giám sát các công trình đường dây và trạm biến áp đến cấp điện áp 110KV. Cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo lường, chuẩn đo lường (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật).

- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: Đại lý ký gửi vật liệu thiết bị điện và thiết bị viễn thông.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp.
- Xây dựng công trình điện. Chi tiết: Xây lắp các công trình điện đến cấp điện áp 110 KV.
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc. Chi tiết: Thi công công trình viễn thông.
- Xây dựng nhà để ở.
- Xây dựng nhà không để ở.
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Chi tiết: Bán buôn vật liệu thiết bị điện và thiết bị viễn thông.

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN

Số 129C, đường Huỳnh Văn Nghệ, KP 5, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Biên Hòa được chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 04 đến trang 24).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến ý kiến của Giám đốc Công ty, đến kết quả hoạt động của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Trách nhiệm của Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính này; những nội dung cần thuyết minh đã được thuyết minh cho báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.
- Chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt báo cáo tài chính

Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty CP Tư Vấn Thiết Kế và Xây Lắp Điện tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Đồng Nai, ngày 14 tháng 02 năm 2023



Nguyễn Tuấn Khanh
Giám đốc

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN BIÊN HÒA

E12, đường N4, KDC Bửu Long, KP1, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: (84-2513) 951 613

Fax: (84-2513) 951 613

Số: 20230201/BCKT-BHAAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC VÀO NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022
CỦA CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN

Kính gửi: Hội đồng quản trị, Giám đốc
CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty CP Tư Vấn Thiết Kế và Xây Lắp Điện, được lập ngày 14 tháng 02 năm 2023 từ trang 04 đến trang 24 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CP Tư Vấn Thiết Kế và Xây Lắp Điện tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN BIÊN HÒA

Trần Ngọc Hoàng

Phó Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0349-2023-144-1

Đồng Nai, ngày 14 tháng 02 năm 2023

Trần Thị Bích Châu

Kiểm Toán Viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2660-2023-144-1

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN

Số 129C, đường Huỳnh Văn Nghệ, KP 5, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		32.011.371.226	29.592.119.258
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		11.282.052.390	7.514.542.219
1. Tiền	111	V.1	8.282.052.390	7.514.542.219
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.000.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	3.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.684.727.757	16.119.686.191
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	13.769.015.228	12.065.504.149
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4a	43.195.682	856.086.317
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	872.516.847	3.092.921.738
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	105.173.987
IV. Hàng tồn kho	140		2.961.294.497	5.919.073.811
1. Hàng tồn kho	141	V.7	2.961.294.497	5.919.073.811
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		83.296.582	38.817.037
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		83.296.582	38.817.037
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.571.984.150	5.939.932.621
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		(301.660.570)	2.430.003.151
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	5.908.558.732	6.311.887.870
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4b	382.179.154	1.039.269.386
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.6b	(6.592.398.456)	(4.921.154.105)

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN

Số 129C, đường Huỳnh Văn Nghệ, KP 5, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
II. Tài sản cố định	220		2.373.644.720	1.999.574.925
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	2.373.644.720	1.999.574.925
- Nguyên giá	222		6.787.402.141	5.668.158.232
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.413.757.421)	(3.668.583.307)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.500.000.000	1.500.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.2b	1.500.000.000	1.500.000.000
3. Đầu tư khác vào công cụ vốn	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	10.354.545
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	10.354.545
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		35.583.355.376	35.532.051.879

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN

Số 129C, đường Huỳnh Văn Nghệ, KP 5, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		16.044.453.006	16.588.100.818
I. Nợ ngắn hạn	310		13.763.579.339	13.190.197.417
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9a	6.249.295.118	6.631.418.753
2. Người mua trả tiền trước	312	V.10a	338.409.400	2.494.582.545
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	1.532.118.902	1.122.957.187
4. Phải trả người lao động	314		1.490.641.000	1.059.170.819
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	2.337.566.310	102.318.419
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HD xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	745.545.109	952.957.374
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	-	728.290.218
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		948.449.602	-
12. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	V.15	121.553.898	98.502.102
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2.280.873.667	3.397.903.401
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.9b	20.505.628	924.008.858
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.10b	2.260.368.039	2.473.894.543
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN

Số 129C, đường Huỳnh Văn Nghệ, KP 5, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		19.538.902.370	18.943.951.061
I. Vốn chủ sở hữu	410		19.538.902.370	18.943.951.061
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.16	7.500.000.000	7.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.16	148.799.906	148.799.906
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.16	1.312.655.987	1.312.655.987
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.16	8.373.043.372	8.298.236.187
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.16	2.204.403.105	1.684.258.981
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(54.000.000)	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.258.403.105	1.684.258.981
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		35.583.355.376	35.532.051.879

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Đồng Nai, ngày 14 tháng 02 năm 2023


Ngô Văn Chí
Lập biểu
Ngô Văn Chí
Kế toán trưởng
Nguyễn Tuấn Khanh
Giám đốc

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN

Số 129C, đường Huỳnh Văn Nghệ, KP 5, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	45.191.717.024	38.070.856.841
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.105.293	98.726.673
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.1	45.189.611.731	37.972.130.168
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	40.716.535.816	33.633.933.691
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		4.473.075.915	4.338.196.477
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	247.827.655	228.937.613
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	41.232.587	99.417.414
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		-	99.417.414
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	2.020.384.475	2.268.432.302
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		2.659.286.508	2.199.284.374
11. Thu nhập khác	31	VI.6	140.617.735	-
12. Chi phí khác	32	VI.7	17.520.289	130.625.581
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		123.097.446	(130.625.581)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.782.383.954	2.068.658.793
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	V.11	523.980.849	276.399.812
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		2.258.403.105	1.792.258.981
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Đồng Nai, ngày 14 tháng 02 năm 2023


 Ngô Văn Chí
 Lập biểu


 Ngô Văn Chí
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Tuấn Khanh
 Giám đốc

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN

Số 129C, đường Huỳnh Văn Nghệ, KP 5, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất, kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.782.383.954	2.068.658.793
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		745.174.114	620.763.336
- Các khoản dự phòng	03		1.671.244.351	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(247.827.655)	(228.937.613)
- Chi phí lãi vay	06		41.232.587	99.417.414
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		4.992.207.351	2.559.901.930
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.495.377.804	3.975.832.775
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.957.779.314	(1.551.449.765)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		1.716.759.147	(808.478.120)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		(34.125.000)	59.418.569
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(41.232.587)	(99.417.414)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(276.399.812)	(369.028.353)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		2.746.666.156	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.882.228.230)	(219.412.124)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		12.674.804.143	3.547.367.498
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.119.243.909)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(6.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		247.827.655	228.937.613
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6.871.416.254)	228.937.613

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN

Số 129C, đường Huỳnh Văn Nghệ, KP 5, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.689.575.462	6.959.622.453
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.417.865.680)	(6.231.332.235)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.307.587.500)	(810.352.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.035.877.718)	(82.061.782)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		3.767.510.171	3.694.243.329
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		7.514.542.219	3.820.298.890
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		11.282.052.390	7.514.542.219

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Đồng Nai, ngày 14 tháng 02 năm 2023



Ngô Văn Chí
Lập biểu

Ngô Văn Chí
Kế toán trưởng

Nguyễn Tuấn Khanh
Giám đốc

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN

Số 129C, đường Huỳnh Văn Nghệ, KP 5, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Tư Vấn Thiết Kế và Xây Lắp Điện được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600781512, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 01 năm 2006, thay đổi lần thứ 04 ngày 28 tháng 09 năm 2018, và thay đổi lần thứ 05 ngày 21 tháng 01 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 7.500.000.000 VND

2. Lĩnh vực kinh doanh

- Tư vấn, Thiết kế và xây lắp điện.
- Thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Điều tra, khảo sát, lập dự án, lập thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán các công trình đường dây và trạm biến áp đến cấp điện áp 110KV. Khảo sát và thiết kế các công trình phụ trợ (phòng biến điện, phòng điều hành, nền móng, trụ, trạm...). Cung cấp các dịch vụ tư vấn về điện cho các đơn vị trong nước và nước ngoài. Tư vấn thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công trình công nghiệp. Thẩm định công trình điện đến cấp điện áp 110 KV. Giám sát các công trình đường dây và trạm biến áp đến cấp điện áp 110KV. Cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo lường, chuẩn đo lường (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật).
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: Đại lý ký gửi vật liệu thiết bị điện và thiết bị viễn thông.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp.
- Xây dựng công trình điện. Chi tiết: Xây lắp các công trình điện đến cấp điện áp 110 KV.
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc. Chi tiết: Thi công công trình viễn thông.
- Xây dựng nhà để ở.
- Xây dựng nhà không để ở.
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Chi tiết: Bán buôn vật liệu thiết bị điện và thiết bị viễn thông.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các công ty liên doanh, liên kết

Công ty Cổ phần Cơ Điện - Điện Lực Đồng Nai

- Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai.
- Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng (Mười lăm tỷ đồng)
- Tỷ lệ góp vốn: 10%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 10%

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các thông tin số sánh số dư đầu kỳ được phân loại lại và có khả năng so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng đồng Việt Nam (VND) trong hạch toán kế toán.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Vì vậy, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

Bình quân gia quyền

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Kê khai thường xuyên

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

4. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

TSCĐ hữu hình:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính, thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại TSCĐ	Năm
Máy móc thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10

5. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính;

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 01 đến 02 năm.

- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;

- Chi phí thuê nhà, kho.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị các khoản vay được ghi nhận theo số thực phát sinh nợ gốc tại thời điểm nhận nợ vay.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

Chi phí bảo hành công trình xây lắp

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành được ước tính tối đa không quá 5% giá trị nghiệm thu của công trình.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của các cổ đông.

Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

13. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN

Số 129C, đường Huỳnh Văn Nghệ, KP 5, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	678.006	148.136.435
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (VND)	8.281.374.384	7.366.405.784
Các khoản tương đương tiền	3.000.000.000	-
Tổng cộng	11.282.052.390	7.514.542.219

2. Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a1. Ngắn hạn	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-
a2. Dài hạn	-	-	-	-
Tổng cộng	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Cuối năm			Đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (*)	1.500.000.000	-	1.500.000.000	1.500.000.000	-	1.500.000.000

(*) Chi tiết khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cơ Điện - Điện Lực Đồng Nai

- Văn phòng giao dịch: Số 01, đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hoà, Đồng Nai.
- Vốn điều lệ của Công ty CP Cơ Điện - Điện Lực Đồng Nai: 15.000.000.000 đồng (Mười lăm tỷ đồng)
- Tỷ lệ góp vốn: 10%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 10%
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 150.000 Cổ phần. Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần.

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN

Số 129C, đường Huỳnh Văn Nghệ, KP 5, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

3. Phải thu của khách hàng	Cuối năm	Đầu năm
a. Phải thu khách hàng ngắn hạn	13.769.015.228	12.065.504.149
Công ty Điện Lực Biên Hòa	1.180.659.898	119.134.500
Công ty Cổ Phần LiCoGi 16	-	674.233.198
Công ty TNHH MTV Điện Lực Đồng Nai	28.246.433	471.192.044
Công ty Điện Lực Trị An	2.987.204.989	1.207.276.738
Công ty Điện Lực Nhơn Trạch	3.361.923.212	442.746.461
Chi nhánh Công ty Điện Lực Biên Hòa 2	246.164.826	187.817.377
Công ty Cổ Phần Cơ Điện - Điện Lực Đồng Nai	-	743.101.517
Phòng Kinh Tế Hạ Tầng Huyện Định Quán	1.383.667.745	6.470.458.000
Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Sonadezi	1.772.800.644	-
Công ty TNHH Xây Dựng Quang Hải Nam	335.125.000	-
Các khách hàng khác	2.473.222.481	1.749.544.314
b. Phải thu khách hàng dài hạn	5.908.558.732	6.311.887.870
Công ty CP XD và TM 299	1.748.364.246	1.748.364.246
Công ty CP XD Công trình 568	349.105.683	349.105.683
Công ty CP Sonacons	289.825.455	289.825.455
Công ty CP Tư Vấn Và Đầu Tư Bất Động Sản Việt Tín	315.051.833	315.051.833
Ban Quản Lý Dự Án Đầu Tư Xây Dựng Tỉnh Đồng Nai	103.765.000	682.542.000
Công ty TNHH MTV Thăng Long Hiệp Phước	1.671.244.351	1.671.244.351
Công ty TNHH Thành Phố Waterfront Đồng Nai	330.000.000	-
Các khách hàng khác	1.101.202.164	1.255.754.302
Tổng cộng	19.677.573.960	18.377.392.019
Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	9.608.292.136	3.548.381.994
Công ty TNHH MTV Điện Lực Đồng Nai và các Chi nhánh	9.608.292.136	2.805.280.477
Công ty CP Cơ Điện - Điện Lực Đồng Nai	-	743.101.517
4. Trả trước cho người bán	Cuối năm	Đầu năm
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	43.195.682	856.086.317
Công ty TNHH MTV XDDVTM Phương Cường	13.818.182	640.000.000
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Hoàng Long Vân	-	146.703.040
Các nhà cung cấp khác	29.377.500	69.383.277
b. Trả trước cho người bán dài hạn	382.179.154	1.039.269.386
Công ty CP XD điện nước Thiên Phát	-	177.080.000
Công ty TNHH TM & XD Đông Long	229.964.351	248.072.727
Diệp Tuấn	150.811.000	150.811.000
Các nhà cung cấp khác	1.403.803	463.305.659
Tổng cộng	425.374.836	1.895.355.703

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN

Số 129C, đường Huỳnh Văn Nghệ, KP 5, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.	Các khoản phải thu khác	Cuối năm	Đầu năm		
a.	Các khoản phải thu khác ngắn hạn	872.516.847	3.092.921.738		
	Tạm ứng cho nhân viên	622.287.171	2.161.665.617		
	Ký quỹ thực hiện hợp đồng	250.229.676	870.555.419		
	Phải thu khác	-	60.700.702		
b.	Các khoản phải thu khác dài hạn	-	-		
	Tổng cộng	872.516.847	3.092.921.738		
6.	Dự phòng phải thu khó đòi	Cuối năm	Đầu năm		
a.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi ngắn hạn	-	-		
b.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi dài hạn	6.592.398.456	4.921.154.105		
	Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	6.592.398.456	4.921.154.105		
	Tổng cộng	6.592.398.456	4.921.154.105		
	Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:	Năm nay	Năm trước		
	Số đầu năm	4.921.154.105	4.921.154.105		
	Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	1.671.244.351	-		
	Số cuối năm	6.592.398.456	4.921.154.105		
7.	Hàng tồn kho	Cuối năm	Đầu năm		
	Nguyên liệu, vật liệu	825.407.980	1.027.650.286		
	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.135.886.517	4.891.423.525		
	Cộng giá gốc hàng tồn kho	2.961.294.497	5.919.073.811		
	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-		
	Giá trị thuần có thể thực hiện được	2.961.294.497	5.919.073.811		
8.	Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình				
	Nguyên giá	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối năm
	Máy móc thiết bị	3.902.069.177	371.873.000	-	4.273.942.177
	PTVTài, truyền dẫn	1.608.100.351	747.370.909	-	2.355.471.260
	Dụng cụ quản lý	157.988.704	-	-	157.988.704
	Tổng	5.668.158.232	1.119.243.909	-	6.787.402.141
	Trong đó đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng				
	Máy móc thiết bị	177.489.177			177.489.177
	PTVTài, truyền dẫn	1.608.100.351			1.608.100.351
	Dụng cụ quản lý	157.988.704			157.988.704
	Tổng	1.943.578.232			1.943.578.232

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN

Số 129C, đường Huỳnh Văn Nghệ, KP 5, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Khấu hao lũy kế

Máy móc thiết bị	1.902.494.252	651.752.754	-	2.554.247.006
PTVTài, truyền dẫn	1.608.100.351	93.421.360	-	1.701.521.711
Dụng cụ quản lý	157.988.704	-	-	157.988.704
Tổng	3.668.583.307	745.174.114	-	4.413.757.421

Giá trị còn lại

Máy móc thiết bị	1.999.574.925			1.719.695.171
PTVTài, truyền dẫn	-			653.949.549
Dụng cụ quản lý	-			-
Tổng	1.999.574.925			2.373.644.720

9. Phải trả người bán

	Cuối năm	Đầu năm
a. Phải trả người bán ngắn hạn	6.249.295.118	6.631.418.753
Công ty Cổ Phần Hợp Tác Thành Công	809.805.947	1.128.181.749
Công ty TNHH Liên Minh Phát	1.955.365.948	772.698.564
Công ty TNHH TM Kỹ thuật điện Tuấn Hòa Phát	194.925.115	525.133.547
Công ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng Lê Huy	-	708.229.050
Công ty Cổ Phần Tuấn Ân Đồng Nai	873.872.946	1.729.131.140
Công ty TNHH Thép Thanh Hòa Phát	-	644.007.210
Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Và Dịch Vụ Út Mai	899.739.900	-
Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Việt Thái	243.800.936	-
Công ty TNHH Vật Liệu Xây Dựng Phúc Quân	577.486.800	35.970.000
Các nhà cung cấp khác	694.297.526	1.088.067.493
b. Phải trả người bán dài hạn	20.505.628	924.008.858
Công ty TNHH SX TM Điện Minh Hòa	-	330.448.628
Công ty TNHH TM SX Thiết Bị Điện Vinh Phong	-	385.876.581
Công ty CP đô thị Sông Đà 11	-	127.451.000
Các nhà cung cấp khác	20.505.628	80.232.649
Tổng cộng	6.269.800.746	7.555.427.611

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN

Số 129C, đường Huỳnh Văn Nghệ, KP 5, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

10. Người mua trả tiền trước	Cuối năm	Đầu năm
a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	338.409.400	2.494.582.545
Công ty TNHH Xây Dựng Quang Hải Nam	-	632.907.750
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Nam Long	-	330.000.000
Công ty Cổ Phần Tae Kwang Vina Industrial	-	1.075.000.000
Công ty Cổ Phần Điện Lực Hoàng Ngân	43.718.074	-
Công ty Cổ Phần Licogi 16	77.736.969	-
Các khách hàng khác	216.954.357	456.674.795
b. Người mua trả tiền trước dài hạn	2.260.368.039	2.473.894.543
Công ty TNHH XD KD Nhà Thành Hưng	320.000.000	320.000.000
Công ty TNHH Xây Lắp Phương Nam	240.000.000	240.000.000
Công ty TNHH Thành phố Water front Dona	323.898.500	323.898.500
Công ty TNHH Kỹ Thuật Bình Thành Công	-	394.800.000
Công ty Cổ Phần Kỹ Thuật Bình Sơn	203.500.000	203.500.000
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Nam Long	330.000.000	-
Công ty Cổ Phần Điện Lực Hoàng Ngân	136.609.464	-
Các khách hàng khác	706.360.075	991.696.043
Tổng cộng	2.598.777.439	4.968.477.088

11. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	Đầu năm	Phải nộp trong năm	Đã nộp/ Điều chỉnh trong năm	Cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	540.019.132	1.605.314.462	1.300.563.025	844.770.569
Thuế TNDN	276.399.812	523.980.849	276.399.812	523.980.849
Thuế thu nhập cá nhân	306.538.243	100.622.483	243.793.242	163.367.484
Các loại thuế khác	-	2.000.000	2.000.000	-
Tổng cộng	1.122.957.187	2.231.917.794	1.822.756.079	1.532.118.902

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ các hoạt động phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN

Số 129C, đường Huỳnh Văn Nghệ, KP 5, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.782.383.954	2.068.658.793
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	17.520.289	130.625.581
- Các khoản điều chỉnh giảm	180.000.000	225.000.000
Thu nhập tính thuế	2.619.904.243	1.974.284.374
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm	523.980.849	394.856.875
Thuế TNDN được giảm trong kỳ	-	118.457.063
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	523.980.849	276.399.812

Số thuế phải nộp của doanh nghiệp chưa được cơ quan thuế quyết toán. Do đó, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

12. Chi phí phải trả	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn dịch vụ đã cung cấp	2.337.566.310	102.318.419
Tổng cộng	2.337.566.310	102.318.419

13. Các khoản phải trả khác	Cuối năm	Đầu năm
a. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	745.545.109	952.957.374
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	24.824.765
Cổ tức còn phải trả	745.545.109	928.132.609
b. Các khoản phải trả dài hạn khác	-	-
Tổng cộng	745.545.109	952.957.374

14. Vay và nợ thuê tài chính	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối năm
a. Vay ngắn hạn	728.290.218	1.689.575.462	2.417.865.680	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	728.290.218	1.689.575.462	2.417.865.680	-
b. Vay dài hạn	-	-	-	-
Tổng cộng	728.290.218	1.689.575.462	2.417.865.680	-

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi				
Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty chi tiết phát sinh trong năm như sau:				
	Năm nay	Năm trước		
Số đầu năm	98.502.102	39.444.678		
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	358.451.796	338.457.424		
Chi quỹ	(335.400.000)	(279.400.000)		
Số cuối năm	121.553.898	98.502.102		

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN

Số 129C, đường Huỳnh Văn Nghệ, KP 5, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

16. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	7.485.525.000	148.799.906	1.312.655.987	8.123.406.487	1.710.287.123	18.780.674.503
Tăng vốn trong năm	14.475.000	-	-	-	-	14.475.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	1.792.258.981	1.792.258.981
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	174.829.700	(513.287.123)	(338.457.423)
Trích Thù lao HĐQT	-	-	-	-	(180.000.000)	(180.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(1.125.000.000)	(1.125.000.000)
Số dư cuối năm trước	7.500.000.000	148.799.906	1.312.655.987	8.298.236.187	1.684.258.981	18.943.951.061
Số dư đầu năm nay	7.500.000.000	148.799.906	1.312.655.987	8.298.236.187	1.684.258.981	18.943.951.061
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	2.258.403.105	2.258.403.105
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	74.807.185	(433.258.981)	(358.451.796)
Trích Thù lao HĐQT	-	-	-	-	(180.000.000)	(180.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(1.125.000.000)	(1.125.000.000)
Số dư cuối năm nay	7.500.000.000	148.799.906	1.312.655.987	8.373.043.372	2.204.403.105	19.538.902.370

b. Vốn điều lệ

Cổ đông	Theo GCNĐKDN		Vốn góp đến 31/12/2022	Vốn cần phải góp bổ sung đến 31/12/2022
	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)		
Công ty TNHH MTV Điện Lực Đồng Nai	2.160.000.000	28,80	2.160.000.000	-
Công ty CP Điện cơ Đồng Nai	675.000.000	9,00	675.000.000	-
Cổ đông khác	4.665.000.000	62,20	4.665.000.000	-
Tổng	7.500.000.000	100,00	7.500.000.000	-

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN

Số 129C, đường Huỳnh Văn Nghệ, KP 5, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Tổng doanh thu	45.191.717.024	38.070.856.841
Doanh thu xây lắp	29.813.368.212	27.521.383.051
Doanh thu khảo sát, thiết kế, giám sát, thẩm định	9.709.812.954	4.239.344.139
Doanh thu thí nghiệm	5.668.535.858	4.770.537.074
Doanh thu bán hàng hoá	-	1.539.592.577
Các khoản giảm trừ doanh thu:	2.105.293	98.726.673
Giảm giá hàng bán	2.105.293	98.726.673
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	45.189.611.731	37.972.130.168
Trong đó:		
Doanh thu xây lắp	29.811.262.919	27.521.383.051
Doanh thu khảo sát, thiết kế, giám sát, thẩm định	9.709.812.954	4.239.344.139
Doanh thu thí nghiệm	5.668.535.858	4.770.537.074
2. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
Giá vốn xây lắp	30.269.493.699	27.218.583.286
Giá vốn khảo sát, thiết kế, giám sát, thẩm định	5.403.265.751	2.441.711.366
Giá vốn thí nghiệm	5.043.776.366	2.508.950.819
Giá vốn của hàng hoá	-	1.464.688.220
Tổng cộng	40.716.535.816	33.633.933.691
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	67.827.655	3.937.613
Cổ tức được chia	180.000.000	225.000.000
Tổng cộng	247.827.655	228.937.613
4. Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	41.232.587	99.417.414
Tổng cộng	41.232.587	99.417.414
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.610.813.268	1.684.082.579
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	900.000	55.198.272
Chi phí bằng tiền khác	408.671.207	529.151.451
Tổng cộng	2.020.384.475	2.268.432.302
6. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
Phạt vi phạm hợp đồng (Công ty TNHH KT Bình Thành Công)	138.180.000	-
Thu nhập khác	2.437.735	-
Tổng cộng	140.617.735	-

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN

Số 129C, đường Huỳnh Văn Nghệ, KP 5, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Năm nay	Năm trước
7. Chi phí khác		
Chi phí vi phạm hành chính về thuế	12.172.289	89.971.844
Chi phí vi phạm hợp đồng	-	40.653.737
Chi phí khác	5.348.000	-
Tổng cộng	17.520.289	130.625.581
8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.307.469.243	18.595.253.263
Chi phí nhân công	9.227.063.268	8.531.407.579
Chi phí khấu hao tài sản cố định	745.174.114	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.830.773.706	761.600.092
Chi phí bằng tiền khác	4.724.857.149	9.468.576.660
Tổng cộng	38.835.337.480	37.356.837.594

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:**
Không có bất kỳ khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính nào khác cần công bố tại ngày lập Báo cáo tài chính.
- Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm 2022:**
Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.
- Thông tin về các bên liên quan:**
Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có các nghiệp vụ kinh tế quan trọng với các bên liên quan được trình bày như sau:

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai và các Chi nhánh của Công ty	Thành viên góp vốn
Công ty CP Cơ Điện - Điện Lực Đồng Nai	Thành viên góp vốn

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công nợ phải thu khách hàng		
Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai và các Chi nhánh	9.608.292.136	2.805.280.477
Công ty CP Cơ Điện - Điện Lực Đồng Nai	-	743.101.517
Tổng cộng	9.608.292.136	3.548.381.994
Công nợ phải trả nhà cung cấp		
Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai và các Chi nhánh	-	118.800.000
Công ty CP Cơ Điện - Điện Lực Đồng Nai	20.505.628	20.505.628
Tổng cộng	20.505.628	139.305.628

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY LẮP ĐIỆN

Số 129C, đường Huỳnh Văn Nghệ, KP 5, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

4. Thông tin so sánh

Số liệu năm trước làm căn cứ so sánh với số liệu năm hiện hành là số liệu được ghi nhận theo số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán.

5. Thông tin về hoạt động liên tục:

Không có sự kiện, yếu tố nào làm ảnh hưởng nào làm ảnh hưởng đến cơ sở hoạt động liên tục của Công ty tại ngày lập Báo cáo tài chính.

6. Những thông tin khác

Không có sự kiện nào khác cần công bố tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Đồng Nai, ngày 14 tháng 02 năm 2023



Ngô Văn Chí
Lập biểu



Ngô Văn Chí
Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Khanh
Giám đốc